

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11A/2025/HS-ST
Ngày 11-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/HSST-QĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn Đ**, sinh năm: 1994, tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký thường trú: Thôn LA, xã HS, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là bà Phan Thị V, có 02 con (con lớn năm 2018; con nhỏ sinh năm 2020); 01 tiền án: Năm 2022, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng) xử phạt 09 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 12/5/2024 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 08/10/2024 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

2. **Nguyễn Quang M**, sinh năm: 2005, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký thường trú: Xóm HL, xã YT, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố TA, phường N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị Ng; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/9/2024, bị Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”

tại Bản án số 31/2024/HS-ST; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân, Đồng Nai – có mặt.

3. **Nguyễn Trung K**, sinh năm: 2002, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Bon K, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/11/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt); ngày 28/8/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” (Đã chấp hành xong hình phạt); bị bắt tạm giam ngày 09/10/2024, sau đó chuyển tạm giam – có mặt.

4. **Đỗ Văn Đ1**, sinh năm: 2003, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố TA, phường N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ph; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/9/2024, bị Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 31/2024/HS-ST; bị bắt tạm giam ngày 07/10/2024 – có mặt.

5. **Trương Văn C**, sinh năm: 1987, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: Xóm SD, xã QH, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã NC, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B và bà Trương Thị Ch; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/06/2019, bị Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01012/QĐ-XPHC ngày 20/6/2021 với số tiền là 1.500.000đ về hành vi Gây mất an ninh trật tự ở trụ sở cơ quan, tổ chức (Đã chấp hành xong); bị bắt tạm giữ từ ngày 12/05/2024 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 08/10/2024 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

6. **Tôn Thất Q**, sinh năm: 2004, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất T và bà Lê Thị Ph; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 07/10/2024 – có mặt.

7. **Trần Thanh T**, sinh năm: 2004, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký thường trú: Thôn ST, xã B, tỉnh K Hoà; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc P và bà Trần Thị Thu H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 10/05/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 28/12/2023 chấp hành

xong hình phạt; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 07/10/2024 – có mặt.

8. **Hoàng Kim D**, sinh năm: 2003, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Kim T và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt

9. **Nguyễn Hữu Q1**, sinh ngày: 09/9/2007, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V và con bà Huỳnh Thị M T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

10. **Nguyễn Văn C1**, sinh năm: 1997, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 11, ấp 2, xã AL, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, phường B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bé S (đã chết); bị cáo sống như vợ chồng với bà Triệu Mùi C (không đăng ký kết hôn và đã bỏ đi khỏi địa phương) và có 01 con (sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

11. **Mai Xuân Th**, sinh ngày: 28/02/2007, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Tổ dân phố TP, phường N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Phi Kh và bà Nguyễn Thị Ph; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

12. **Nguyễn Thái L**, sinh năm: 1987, tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ Th và 2 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hữu Q1 và Mai Xuân Th*: Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt) và ông YL là Trợ giúp viên pháp L3 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp L3 nhà nước tỉnh Lâm Đồng – có mặt.

- *Bị hại*:

Anh Hồ Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Trần Anh Q3, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị hại anh Trần Anh Q3*: Ông Phan Văn C – Luật sư Văn phòng luật sư Phan Anh C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1982; địa chỉ: 07 Trần Huy Liệu, phường BMT, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

Anh Võ Văn L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Anh Lê Xuân L2, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Anh Cao Xuân H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Chị Trần Thị Bích Ph, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

Ông Hà Quang H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường B, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 5/2024, Nguyễn Ngọc S (*Sinh năm: 1982; nơi thường trú: phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk*) và Trần Anh Q3 (*Sinh năm: 1992; nơi thường trú: thôn 2, xã C, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk*) đến thi công quán cà phê cho anh Hồ Th tại tổ dân phố TT, phường Q, thành phố G; thì xảy ra mâu thuẫn với chị Trần Thị L3 (*Sinh năm: 1978; tên thường gọi: Ph bê đê; chỗ ở: Tổ dân phố TT, phường Q, thành phố G*; hai bên tranh cãi và Q3 đã tát chị L3 02 cái vào mặt. Chị L3 kể lại sự việc cho Lê Văn Đ nghe (*L3 và Đ có mối quan hệ quen biết xã hội*), Đ nói để Đ gặp S, Q3 nói chuyện, giải hòa hai bên thì L3 đồng ý và cho Đ số điện thoại của S. Khoảng 16 giờ ngày 10/5/2024 Lê Văn Đ cùng với Lê Xuân L2 (*Sinh năm: 1995; Trú tại: Tổ dân phố 6, phường NT, thành phố G*), Trần Thanh T, Nguyễn Văn C1 gặp S nói chuyện giải hòa mâu thuẫn giữa L3 với S, Q3, sau đó hai bên ra về.

Khoảng 10 giờ ngày 11/05/2024 nghe tin S đến khu vực gần nhà của L3; Lê Văn Đ nghĩ S tiếp tục đến gây sự nên Đ đã lấy 03 cây rựa 01 dao phát cắt trong chiếc Ti thường dùng để đựng đồ cá rồi gọi rủ thêm Trần Thanh T, Nguyễn Văn C1, Tôn Thất Q, Trương Văn C, Nguyễn Văn D1 (*Sinh năm: 1988; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa Đ, thành phố G*) đi tìm gặp nhóm S để đánh thì T, C, C1, Q đồng ý, còn D1 có công việc bận nên không đi. Lúc này, Q đang nhậu cùng Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang M, Mai Xuân Th, Đỗ Văn Đ1 và Nguyễn Ngọc Kim T1 (*Sinh năm: 2009; Trú tại: Tổ dân phố 2, phường NT, thành phố G, tỉnh Đắk Nông*); Q nói cho cả nhóm biết về việc Đ rủ Q đi đánh nhau thì K đồng ý đi cùng Q, còn Đỗ Văn

Đ1 và Nguyễn Quang M nói *“mới bị Tòa xử phạt 02 năm tù, đã có án rồi nên không tham gia được, các bạn cứ đi trước nếu cần thì điện thoại bảo cho mình biết”*.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, T, C1, Q, K, Q1 tập trung tại phòng trọ của Đ thuộc tổ 2, phường NT; Đ gọi xe taxi BKS: 48H-016.61 do Nguyễn Thái L làm tài xế đến đón cả nhóm. Trong lúc chờ taxi, thấy Hoàng Kim D đi ngang qua, Đ gọi D và rủ D đi cùng Đ thì D đồng ý. Đ bảo T xách chiếc túi (*túi đựng hung khí Đ đã chuẩn bị trước đó*) rồi cả nhóm gồm Đ, T, C1, Q, K, Q1, D lên taxi của Nguyễn Thái L. Đ nói L chở nhóm Đ đi về hướng xã TX khi nào Đ nói dừng lại thì dừng. Trên đường đi, C1 hỏi Đ *“Giờ vô phát chơi luôn hay sao anh”*, Đ nói *“Dô chụp đầu nó ra, mẹ cái thằng này, quát nó luôn”*, C1 nói *“anh điện thoại cho anh D1 thử coi, hỏi ý kiến anh phát chứ”*, Đ điện thoại cho Nguyễn Văn D1 (SN 1988, trú tại tổ 2, phường NĐ, thành phố G), nói cho D1 biết Đ đang đi tìm đánh người có mâu thuẫn với chị của Đ, D1 nói có việc gì thì từ từ giải quyết, đừng đánh nhau; Đ nói nhất định phải đánh thì D1 nói *“đắm nó vài cái thôi, đừng có cầm dao nghe không, đắm thôi đừng có chém nó”*, sau đó Đ nói với cả nhóm *“khi nào thấy anh đánh thì tất cả cùng lao vào đánh nha, đã chơi là không có được chạy, anh mà chưa chạy thì không có ai được chạy nha”*, tất cả đều đồng ý; khi đi gần tới hiện trường, C1 và Đ nói *“một thằng chạy xuống thử xem có Công an không, nhìn hai bên thử có Công an không”* thì T xuống xe quan sát rồi báo lại cho cho các đối tượng biết không có Công an, cùng lúc này Đ nhìn thấy Trần Anh Q3 đang dừng xe mô tô ở lề đường, Đ nói L dừng xe, sau đó Đ, K, T, D, Q, Q1, C1 xuống xe tiến về phía Q3; Đ hỏi Q3 *“thằng S đâu, sao đề chị L3 quỳnh hoài vậy”*, Q3 nói *“đâu có đâu”*, K nói *“mày bắt à”*, thì Đ, K, T, D, Q, Q1 lao vào dùng tay, chân đánh vào đầu, mặt, người của Q3. Q3 bỏ chạy và nói cho S biết việc bị nhóm Đ đánh; còn Đ nói với cả nhóm lên taxi, ghé vào quán nước mía (*đầu đường đôi*) ngồi đợi, nếu Q3 gọi người đến đánh thì cả nhóm sẽ quay lại đánh. Sau khi biết việc, S điện thoại cho Lê Xuân L2 nói *“người của mày đánh người của tao, giờ mày quay lại đây để nói chuyện”*; L2 điện thoại hỏi thì Đ nói vừa mới đánh Q3 xong, cả nhóm đang ở quán nước mía, Đ nói L2 đến quán nước mía nói chuyện thì L2 đồng ý. Sau đó, L2 điện thoại cho D1 đến nhà chờ L2 đi gặp Đ.

Khoảng gần 16 giờ cùng ngày Đỗ Văn Đ1 điện thoại cho K nhưng Q nghe máy, Đ hỏi Q đang ở đâu, Q nói đang ở quán nước mía và chỉ đường cho Đỗ Văn Đ1; Đỗ Văn Đ1 nói với Th, M *“hai đứa có lên chỗ thằng Q với thằng K xem nó như thế nào không”* thì M và Th đồng ý, sau đó Đ1 điều khiển xe ô tô BKS: 29C-151.18 (*Xe của ông Đỗ Văn Ch, sinh năm: 1966, trú tại: Thôn TA, xã ĐM, thành phố G là chủ sở hữu*) chở M, Th và T1 đến quán nước mía. Lúc này, Trương Văn C điện thoại cho Lê Văn Đ hỏi Đ đang ở đâu, Đ chỉ đường và C đi đến quán nước mía. Tại quán nước mía gồm có: Lê Văn Đ, Đỗ Văn Đ1, M, K, C, Q, T, Q1, C1, Th; L, D, T1 ngồi trên xe. Một lúc sau, D1 và L2 đi tới, L2 nói với Đ ở lại quán nước mía không đi lên chỗ S nữa, để L2 và D1 đến gặp S nói chuyện xem ý của S như thế nào.

Khoảng 15 phút sau không thấy tin của L2 thì Lê Văn Đ nói cả nhóm lên xe, đi về hướng đã đánh Q3 trước đó. Lê Văn Đ, Q1, C, D, T, C1 lên xe taxi của L, Đ nói L chở nhóm Đ đến vị trí cũ thì L đồng ý. T mang túi đựng hung khí từ taxi sang xe

ô tô của Đỗ Văn Đ1; Đỗ Văn Đ1 điều khiển xe ô tô bán tải BKS: 29C-151.18 chở K, M, Th, Q, T1 đi theo sau. Khi đến khu vực cây xăng dầu Quang Phước, cả nhóm dừng xe, Lê Văn Đ nói Q mua khẩu trang đưa từng người trong nhóm đeo (*trừ Nguyễn Thái L*) rồi tiếp tục đi đến vị trí đã đánh Q3 trước đó. Nhìn thấy nhóm của Lê Văn Đ thì L2 điện thoại cho Đ nói “*Đi sao vòng đây nữa*”, Lê Văn Đ nói “*Kêu một đồng đâu rồi, đứng đâu rồi. Nó kêu mấy thằng nào hẹn đâu rồi*”, L2 nói “*Nó không có đứng, chạy về đi. Để mình đứng đây mình gặp nó xem nó muốn cái gì, giờ nó kêu nó muốn báo Công an mà, đi về đi*”. Cùng lúc này, Q3 hai tay cầm 02 thanh kim loại hình trụ tròn đi từ bên kia đường, lao vào đánh L2. Đ nói L dừng xe cho cả nhóm xuống, C hô to “*Chiến luôn, chiến luôn, ĐM chiến luôn*”; K cầm 01 cây rựa, M cầm 01 cây rựa, Q cầm dao tự chế, Th cầm 02 viên gạch và các đối tượng khác xuống xe lao về phía Q3 còn T1 ngồi trên xe. Q3 cầm cây sắt đánh trúng đầu và người của L2; Đ và D1 giật lấy cây sắt, đánh lại Q3; T dùng chân đạp Q3 rồi ôm người, kẹp cổ giữ Q3 lại. Cùng lúc này, Nguyễn Ngọc S điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda 2, BKS: 48A-043.18 (*xe của anh Hồ Th; Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường NT, thành phố G*) đi vào khu vực giữa vị trí các đối tượng nhóm của Lê Văn Đ đang vây đánh Q3 thì mạn sườn trái của xe ô tô BKS: 48A-043.18 va quẹt vào xe mô tô đang dựng trên vỉa hè, đầu xe ô tô va chạm nhẹ vào chân của K và Th thì S lùi xe, Th ném viên gạch trúng nắp capô, Lê Văn Đ ném viên gạch trúng kính chắn gió phía trước của xe ô tô BKS: 48A-043.18 nhưng không hư hỏng. Q3 chạy theo xe ô tô BKS: 48A-043.18, mở cửa phụ để lên cửa xe khóa không mở được, Lê Văn Đ giật lấy con dao tự chế (*dạng kiếm*) từ tay Q rồi đâm vào kính cửa bên tài xe ô tô BKS: 48A-043.18 nhưng kính không vỡ, S tiếp tục điều khiển xe ô tô BKS: 48A-043.18 lùi sang phía bên kia đường QL14, Lê Văn Đ cầm dao tự chế đuổi theo Q3 và chém 01 phát trúng vào mặt sau cổ chân trái của Q3, Q3 bỏ chạy vào nhà bà Trần Thị H (*Sinh năm: 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố TT, phường QT, thành phố G*) để trốn. Lúc này, Nguyễn Quang M đang đi bộ qua đường Quốc lộ 14 để lên xe ô tô BKS: 29C-151.18 của Đỗ Văn Đ1 thì nhìn thấy S điều khiển xe ô tô BKS: 48A-043.18 đi về phía mình nên M hai tay cầm cây rựa (*loại dao phát*) chém mạnh 02 phát trúng vào cửa kính chắn gió bên tài của xe ô tô BKS: 48A-043.18, làm kính xe bị bể vỡ. Sau đó, các đối tượng lên xe taxi của Nguyễn Thái L và xe ô tô của Đỗ Văn Đ1 đi về, còn Q3 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông. Lê Văn Đ mang 03 cây rựa về cất giấu ở nhà rẫy tại tổ dân phố NT, phường QT, thành phố G; Th mang túi đựng hung khí và 01 con dao tự chế về cất giấu ở phòng trọ của Th tại tổ dân phố 2, phường NT, thành phố G. Sau khi bị phát hiện, Th đưa cho T giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Hậu quả: Trần Anh Q3 bị đứt gân mạc ngắn và gân mạc dài, đứt bán phần gân gót, đứt dây thần kinh Sural, đứt tĩnh mạch hiển, gãy một phần xương mác. Kết luận giám định số 3425/KLTTCT-C09 ngày 27/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Tỷ lệ % tổn thương cơ thể của Trần Anh Q3 tại thời điểm giám định là **28%**.

Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 11/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố G, xác định: Tổng thiệt hại các phần hư hỏng của xe ô tô Mazda, BKS: 48A-043.18 là 9.531.500đ; trong đó phần hư hỏng do hành vi của Nguyễn Quang M gây ra là **2.413.620đ** gồm: Kính cửa trước bên trái bị bể vỡ có giá trị 1.002.760đ; Nẹp chân kính cửa trước bên trái có vết đứt dài 06cm và Táp pi cửa trước bên trái bị đứt có giá trị 478.060đ; Trụ khung kính phía sau cửa trước bên trái có vết đứt roong cao su và khung trụ kim loại dài 05cm có giá trị 932.800đ.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-GN, ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng) đã truy tố các bị cáo: Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L về tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Quang M về tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L và Nguyễn Quang M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng) truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K, Trần Thanh T mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ1 từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù, tại Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng), buộc bị cáo Đỗ Văn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng đến 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2025.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn C, Tôn Thất Q, Hoàng Kim D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thái L mỗi bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q1, Mai Xuân Thủy mỗi bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Quang M phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ đi thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/5/2025, bị hại anh Trần Anh Q3 có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc chi phí điều trị, mất thu nhập, bồi bổ sức khoẻ và tổn thất về tinh thần số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); Hiện các bị cáo đã bồi thường số tiền 131.000.000đ (Một trăm ba mươi một triệu đồng); Còn lại số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng) bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường số tiền số tiền còn lại. Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và các bị cáo đã tự nguyện thoả thuận về việc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), việc thoả thuận bồi thường của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận. Đối với anh Hồ Th không yêu cầu bồi thường thiệt hại xe ô tô nên không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa đã trả lại xe ô tô BKS: 48A-043.18, xe ô tô BKS: 29C-151.18, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 11, 02 điện thoại Iphone cho các chủ sở hữu hợp pháp.

- Lưu cùng hồ sơ vụ án: các đĩa CD, thẻ nhớ chứa dữ liệu về hình ảnh, cuộc nói chuyện liên quan đến vụ án

- Tịch thu tiêu hủy: Các hung khí là vật chứng của vụ án (03 cây rựa; 01 con dao tự chế (*dạng kiếm*); 01 túi vải màu rằn ri; 01 thanh kim loại) là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Q1, Mai Xuân Th trình bày: Đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Q1, Th, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về việc các bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật và bị rủ rê lôi kéo. Ngoài ra bị cáo Q1 có bà nội và ông nội là người có công với cách mạng. Về trách nhiệm dân sự đề nghị chấp nhận thỏa thuận bồi thường thiệt hại của các bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Q1 và Th được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại anh Trần Anh Q3 trình bày: Đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị chấp nhận thỏa thuận bồi thường của các bị cáo cho bị hại, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L và Nguyễn Quang M không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 11/5/2024 tại tổ dân phố TT, phường B, tỉnh Lâm Đồng nhóm của Lê Văn Đ gồm: Lê Văn Đ, Nguyễn Quang M, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th đã dùng tay, chân, dao tự chế đánh Trần Anh Q3, gây thương tích 28%. Nguyễn Thái L không trực tiếp tham gia đánh Q3, tuy nhiên trong lúc điều khiển taxi chở nhóm Đ, L biết động cơ, mục đích của nhóm Đ đi đánh nhau nhưng L vẫn đồng ý và 02 lần chở nhóm Đ đi đánh Trần Anh Q3.

Đối với Nguyễn Quang M, ngoài hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, M đã dùng rựa chém làm hư hỏng cửa kính chắn gió bên tài của xe ô tô BKS: 48A-043.18 do Nguyễn Ngọc S điều khiển, thiệt hại 2.413.620 đồng (*Hai triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi đồng*).

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Quang M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Điều 134. Tội Cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Điều 178. Tội Cố ý làm hư hỏng tài sản

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ..

[3] Xét thấy, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L và Nguyễn Quang M gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân, đồng thời gây mất trật tự an địa phương. Bị cáo Nguyễn Quang M đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trong đó có bị cáo đã có tiền án, đã bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Vì vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức

hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo.

[4] **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Lê Văn Đ quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Lê Văn Đ và Đỗ Văn Đ1 có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi tham gia phạm tội (Nguyễn Hữu Q1, Mai Xuân Th) nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng đối với Lê Văn Đ, Đỗ Văn Đ1 quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại Trần Anh Q3 số tiền 131.000.000 đồng và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[6] **Về vai trò của các bị cáo:** Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn. Tuy nhiên cần phân hoá vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[6.1] Đối với Lê Văn Đ giữ vai trò cầm đầu, khởi xướng, chuẩn bị hung khí, trực tiếp thực hiện hành vi nên cần xử phạt bị cáo Lê Văn Đ mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

[6.2] Đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ1, Nguyễn Quang M, Nguyễn Trung K, Trần Thanh T là những người thực hành tích cực, có nhân thân xấu nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo còn lại tham gia với vai trò hạn chế hơn, có nhân thân tốt nên cần xem xét mức hình phạt thấp hơn. Đối với Nguyễn Hữu Q1 và Mai Xuân Th, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ và quyết định hình phạt phù hợp.

[6.3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, đồng thời xét đến tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo Lê Văn Đ, Đỗ Văn Đ1, Trần Thanh T, Nguyễn Trung K và Nguyễn Quang M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Trương Văn C, Tôn Thất Q, Hoàng Kim D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thái L, Nguyễn Hữu Q1 và Mai Xuân Th cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

[7] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại anh Trần Anh Q3 có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc chi phí điều trị, mất thu nhập, bồi bổ sức khỏe và tổn thất về tinh thần

với số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Các bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 131.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu đồng*), tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và các bị cáo đã tự nguyện thoả thuận các bị cáo liên đới bồi thường số tiền còn lại là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), cần chấp nhận.

Đối với hành vi làm hư hỏng tài sản của Nguyễn Quang M là cửa kính chắn gió của xe ô tô BKS: 48A-043.18 do anh Nguyễn Ngọc S điều khiển với số tiền thiệt hại là 2.413.620đ. Bị hại anh Hồ Th không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp, cần chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ, cần chấp nhận.

[10] Trong vụ án này, các Bị cáo Mai Xuân Th, Lê Văn Đ đã ném viên gạch trúng nắp ca pô và kính chắn gió xe ô tô BKS: 48A-043.18, Lê Văn Đ dùng dao đâm vào kính cửa bên tài xe ô tô BKS: 48A-043.18, nhưng đều không làm hư hỏng gây thiệt hại; hành vi này độc lập với hành vi “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” của bị cáo Nguyễn Quang M nên không xem xét xử lý hình sự.

Đối với Trần Thị L3: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nơi ở hiện tại của L3 để triệu tập làm việc, lấy lời khai; lời khai của các bị cáo và người liên quan thể hiện L3 không biết việc bị cáo Lê Văn Đ gọi người đánh và gây thương tích cho bị hại Trần Anh Q3 nên không xem xét trách nhiệm đối với Trần Thị L3 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Ngọc Kim T1: Trước và trong khi xảy ra vụ án, T1 đi cùng xe ô tô BKS 29C-151.18 với Đỗ Văn Đ1, Mai Xuân Th, Nguyễn Quang M, Tôn Thất Q. Tuy nhiên, T1 không biết động cơ, mục đích của các bị cáo, không tham gia đánh nhau nên không xử lý.

Đối với các hư hỏng, thiệt hại khác của xe ô tô BKS 48A-043.18 (*ngoài thiệt hại do Nguyễn Quang M gây ra*): Kết quả điều tra, trích xuất dữ liệu có căn cứ xác định ngoài thiệt hại do bị cáo Nguyễn Quang M gây ra, các thiệt hại còn lại không liên quan đến hành vi của các bị cáo trong vụ án nên không đặt ra xử lý.

[11] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2024 đến ngày 08/10/2024.

2.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2024.

2.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/10/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/10/2024.

2.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Xử phạt bị cáo Tôn Thất Q 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Xử phạt Hoàng Kim D 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Xử phạt Nguyễn Văn C1 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Xử phạt Nguyễn Thái L 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Giao bị cáo Trương Văn C cho Ủy ban nhân dân xã NC, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối

hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Tôn Thất Q, Hoàng Kim D, Nguyễn Văn C1 cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thái L cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Xử phạt Mai Xuân Thuỷ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/8/2025.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu Q1, Mai Xuân Th cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) về tội “*Cố ý gây thương tích*” (được trừ đi thời gian bị tạm

giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 16/3/2023). Buộc bị cáo Nguyễn Quang M phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án ngày 29/7/2024, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 16/3/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 Điều 590 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận việc các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L, Nguyễn Quang M đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Trần Anh Q3 số tiền 131.000.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu đồng*).

Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L, Nguyễn Quang M phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại anh Trần Anh Q3 số tiền là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*) chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.583.000đ (*Một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: xe ô tô BKS 48A-043.18; xe ô tô BKS 29C-151.18; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 11; 02 điện thoại Iphone.

Các đĩa CD, thẻ nhớ chứa dữ liệu hình ảnh, âm thanh liên quan vụ án cần lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Tịch thu, tiêu huỷ: 03 cây rựa; 01 con dao tự chế (*dạng kiếm*); 01 túi vải màu rằn ri; 01 thanh kim loại.

(Đặc điểm của vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa (nay là Công an tỉnh Lâm Đồng) và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa (nay là phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng)).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Trung K, Đỗ Văn Đ1, Trương Văn C, Tôn Thất Q, Trần Thanh T, Hoàng Kim D, Nguyễn Hữu Q1, Nguyễn Văn C1, Mai Xuân Th, Nguyễn Thái L và Nguyễn Quang M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 - Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án Hình sự tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- L2, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu